



Cập nhật triển vọng nhóm thủy điện năm 2022: Hưởng lợi từ nhiều yếu tố

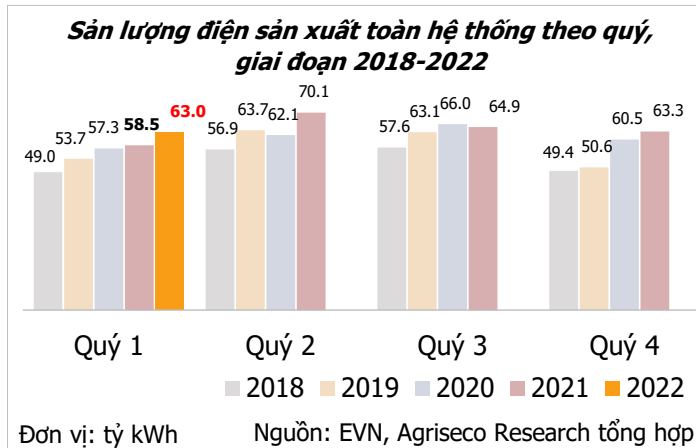
Kính gửi: Quý khách hàng,

Nhóm thủy điện đã có năm 2021 và các tháng đầu năm 2022 kinh doanh thuận lợi nhờ điều kiện thủy văn tích cực. Bên cạnh đó, ngành điện nói chung và nhóm thủy điện nói riêng thường có đặc thù hoạt động ổn định, cổ tức bằng tiền mặt đều đặn cũng như mặt bằng định giá cổ phiếu khá hợp lý. Xét trong các quý tới, nhóm thủy điện có nhiều cơ hội bứt phá, chúng tôi xin gửi tới Quý khách cập nhật về hoạt động ngành điện, tập trung vào nhóm thủy điện và cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu tiềm năng.

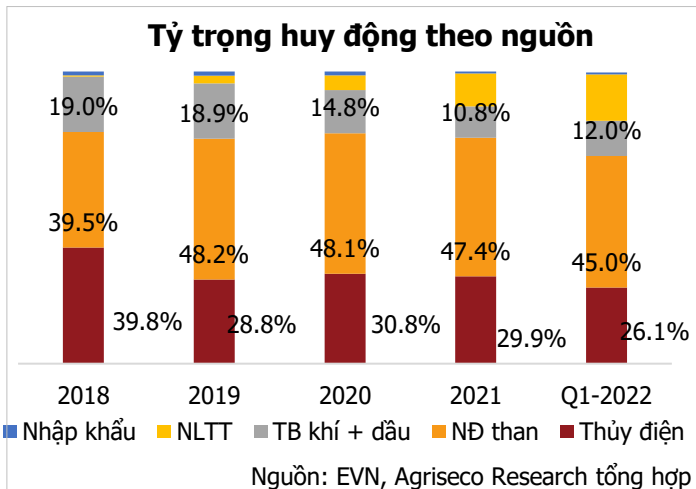
Kính chúc Quý khách đầu tư hiệu quả!

I. CẬP NHẬT NGÀNH ĐIỆN QUÝ 1-2022

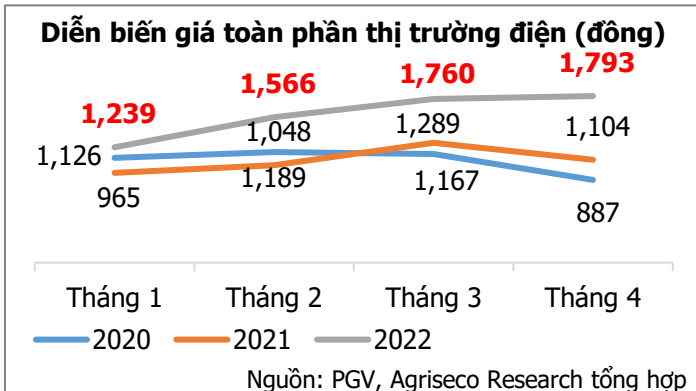
❖ **Sản lượng điện tiêu thụ toàn hệ thống theo sát biến động của nền kinh tế.** Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế (GDP quý I +5,03% svck), ngành điện đang dần lấy lại đà tăng trưởng khi sản lượng điện thương phẩm Quý 1 đạt 63,03 tỷ kWh (+7,8% svck), tương ứng 1,55 lần tăng trưởng GDP. Mức tăng trưởng sản lượng trong Quý 1-22 cao hơn hai năm gần nhất (5-6% svck) khi phụ tải các năm 2020 và 2021 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh khiến sản xuất bị gián đoạn.



❖ **Về cơ cấu huy động điện theo nguồn, NLTT và thủy điện ghi nhận sự gia tăng đáng kể về sản lượng phát điện trong quý 1 svck, thủy điện đạt 16,48 tỷ kWh, tăng 2,62 tỷ kWh (19%) svck nhờ được hưởng lợi từ điều kiện thủy văn tích cực; NLTT đạt 10,01 tỷ kWh, tăng 2,22 tỷ kWh (28%) svck khi các dự án điện gió đồng loạt vận hành từ cuối năm 2021. Trong khi sản lượng huy động từ các Tuabin khí đi ngang svck (đạt ~7,5 tỷ kWh), sản lượng huy động nhiệt điện than giảm 1,39 tỷ kWh (-4,5%) svck do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao và thiếu hụt than cung cấp cho các nhà máy xảy ra trong quý 1.**



❖ **Giá thị trường điện toàn phần (FMP) Quý 1-2022 cao hơn 40% svck, mặc dù sản lượng huy động từ nguồn thủy điện giá thấp lớn.** Nguyên nhân là do giá huy động từ điện than và khí tăng cao. Cụ thể, giá than thế giới tăng tới 5 lần trong hai năm trở lại đây. Trong khi đó, giá khí Đông Nam Bộ cung cấp cho các cụm nhiệt điện Nhơn Trạch và Phú Mỹ đã tăng tới trên 30% svck năm 2021 và 45% svck năm 2020.



I. CẬP NHẬT NGÀNH ĐIỆN QUÝ 1-2022 (tiếp)

❖ **Thay đổi trong Dự thảo Quy hoạch điện VIII mới nhất hướng tới cam kết của Việt Nam liên quan đến hiện tượng biến đổi khí hậu.** Cam kết đưa mức phát thải ròng đến năm 2050 về 0 đã dẫn đến một số thay đổi trong QHĐ VII, trong đó tập trung phát triển các nguồn năng lượng xanh. Cụ thể:

(Đơn vị: MW)	Công suất đến 2030	Sv dự thảo gần nhất	Công suất đến 2045	Sv dự thảo gần nhất
TBK sử dụng LNG	23.900	+39%	31.400	-44%
Điện gió ngoài khơi	7.000	+250%	66.500	+85%
Điện gió trên/gần bờ	16.121	+29%	55.950	+70%
Điện mặt trời	8.736	-36%	75.987	+19%
Thủy điện	28.946	+14%	35.139	+17%
Nhiệt điện than	37.467	-8%	37.467	-26%

Chúng tôi cho rằng cơ sở này là hợp lý trong bối cảnh:

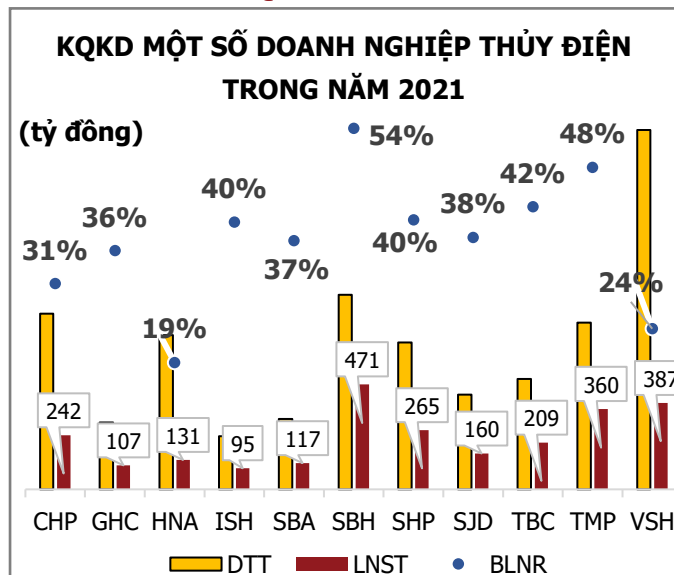
- Các dự án điện than sẽ gặp ngày càng nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng quốc tế; và
- Chi phí ròng trong một vòng đời dự án NLTT giảm mạnh qua các năm. Xu hướng này sẽ đảm bảo biên lợi nhuận cho các nhà đầu tư khi cơ chế giá với năng lượng tái tạo sẽ dần chuyển dịch từ ưu đãi trên mức cố định sang cơ chế đấu thầu trên thị trường phát điện cạnh tranh.

II. KQKD TÍCH CỰC CỦA NHÓM THỦY ĐIỆN TRONG NĂM 2021 VÀ Q1-2022

Năm 2021, sản lượng huy động thủy điện đạt 78.605 triệu kWh (+7,87% yoy), chiếm gần 30% và đứng thứ hai trong cơ cấu huy động toàn hệ thống (tương đương 3 kỳ trước đó). Theo đó, hầu hết các doanh nghiệp thủy điện đều ghi nhận KQKD tăng trưởng svck nhờ điều kiện thủy văn tích cực trong năm 2021. Biên LNST của nhóm này cũng đạt ở mức cao (dao động trong khoảng từ 19% đến trên 50%), trung bình khoảng 37%.

Mặc dù vậy, tăng trưởng KQKD giữa các doanh nghiệp thủy điện chúng tôi theo dõi phân bố không đồng đều do khác biệt về vị trí địa lý ảnh hưởng đến hiệu quả phát điện, mức độ hưởng lợi từ thủy văn và câu chuyện riêng của từng doanh nghiệp. Cụ thể:

- *Các doanh nghiệp có LNST tăng đột biến nhờ điều kiện thủy văn tích cực:* TĐ Miền Nam (SHP) với LNST tăng 318% svck, TĐ Thác Mơ (TMP) với LNST tăng 96% svck, TĐ Hòa Na (HNA) với LNST tăng 292% svck;
- *Doanh nghiệp tăng trưởng nhờ mở rộng công suất, bên cạnh yếu tố thủy văn tích cực* là TĐ Vĩnh Sơn – Sông Hình (VSH) với LNST tăng 96% svck khi ghi nhận đóng góp từ NMTĐ Thượng Kon Tum (220 MW) từ tháng 4/2021, nâng tổng công suất thủy điện mà VSH sở hữu lên 356 MW.

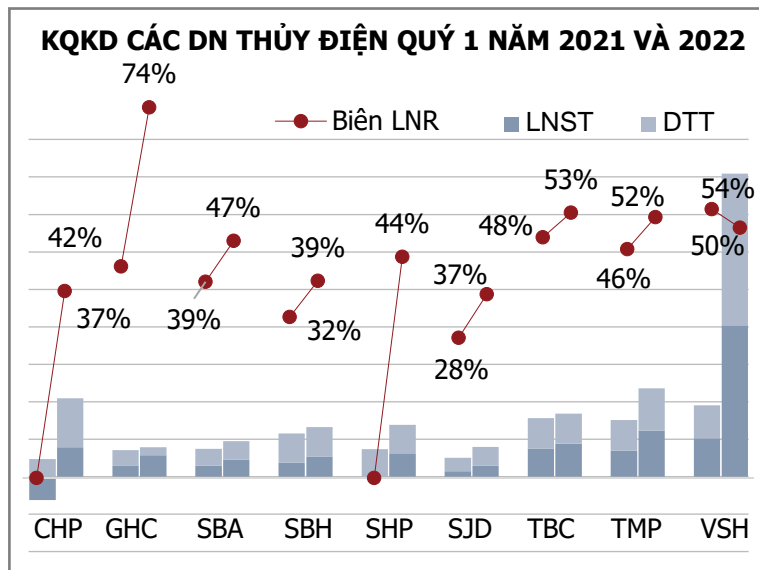


II. KQKD TÍCH CỰC CỦA NHÓM THỦY ĐIỆN TRONG NĂM 2021 VÀ Q1-2022 (tiếp)

- Hai doanh nghiệp thủy điện ghi nhận DTT và LNST giảm sv 2020 là TĐ Miền Trung (CHP) với LNST giảm 15% và TĐ Thác Bà (TBC) với LNST giảm 4%. Trong khi KQKD của TĐ Thác Bà sụt giảm do lưu lượng nước hồ tại nhà máy thấp, việc NMTĐ A Lưới tại Huế không phát điện để khắc phục sự cố trong Quý 1-2021 là nguyên nhân dẫn đến sụt giảm DT và LNST của Thủy điện miền Trung.

Trong Quý 1-2022, các doanh nghiệp thủy điện vẫn duy trì đà tăng trưởng khi điều kiện thủy văn tốt kéo dài hơn dự kiến. Cụ thể:

- Các doanh nghiệp đều ghi nhận LNST tăng trưởng mạnh từ 50% đến 300% svck trong Quý 1**, có thể kể tới như TĐ Vĩnh Sơn – Sông Hình (VSH) với DT +325% và LNST +298% svck và TĐ Cần Đơn (SJD) với DT +57% và LNST +106% svck; hay các doanh nghiệp chuyển từ lỗ ròng thành lãi ròng như TĐ Miền Nam (SHP) chuyển từ lỗ 4,2 tỷ trong Q1-2021 chuyển sang lãi 61,5 tỷ đồng trong Q1-2022, Thủy điện miền trung (CHP) chuyển từ lỗ 63,2 tỷ sang lãi ròng 78,1 tỷ đồng trong Q1-2022.



- Biên lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp thủy điện đều tăng**, hầu hết đạt từ 40% trở lên do giá phát điện cao hơn svck. Biên lợi nhuận ròng trung bình của nhóm này trong Quý 1-2022 đạt 48%, cao hơn nhiều so trung bình cùng kì năm 2021 (khoảng 37%).

- Cơ cấu tài chính lành mạnh.** Tỷ lệ Nợ/VCSH của các doanh nghiệp thủy điện tương đối thấp, đặc biệt với các doanh nghiệp không có nhà máy mới vận hành trong những năm trở lại đây. Theo BCTC quý 1-2022 đã công bố, phần lớn các doanh nghiệp thủy điện hiện có tỷ lệ Nợ trên Tổng tài sản ở mức an toàn (dưới 50%) và sẽ giảm dần theo vòng đời của nhà máy.

- Mặc dù tỷ lệ nợ thấp, ROA và ROE của các doanh nghiệp thủy điện ở mức khá cao** so với trung bình ngành do chi phí đầu vào ít bị tác động bởi cung-cầu hay diễn biến giá mà chủ yếu là các chi phí cố định. ROA bình quân của các doanh nghiệp thuộc ngành điện niêm yết trên 3 sàn là khoảng 10-12%, ROE là khoảng 15-17%. Các doanh nghiệp đang ghi nhận cả tỷ lệ ROA và ROE vượt trội so với ngành có thể kể tới như: TĐ Sông Ba Hạ (SBH), SHP, TĐ Thác Mơ (TMP).

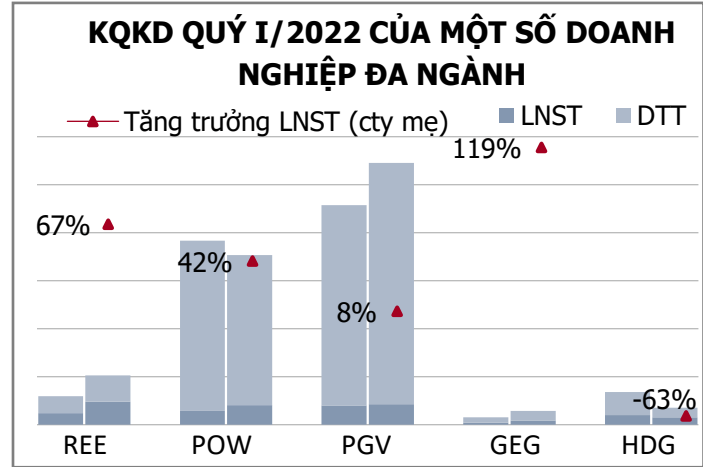
Chỉ số tài chính của các doanh nghiệp thủy điện

DN	Nợ/VCSH	TTM ROA	TTM ROE
CHP	66%	11,72%	20,62%
GHC	68%	8,92%	16,53%
SBA	41%	10,63%	15,64%
SBH	2%	22,83%	26,65%
SHP	28%	18,21%	25,52%
SJD	32%	13,21%	18,52%
TBC	32%	10,27%	13,28%
TMP	38%	20,86%	30,24%
VSH	130%	6,85%	17,13%

II. KQKD TÍCH CỰC CỦA NHÓM THỦY ĐIỆN TRONG NĂM 2021 VÀ Q1-2022 (tiếp)

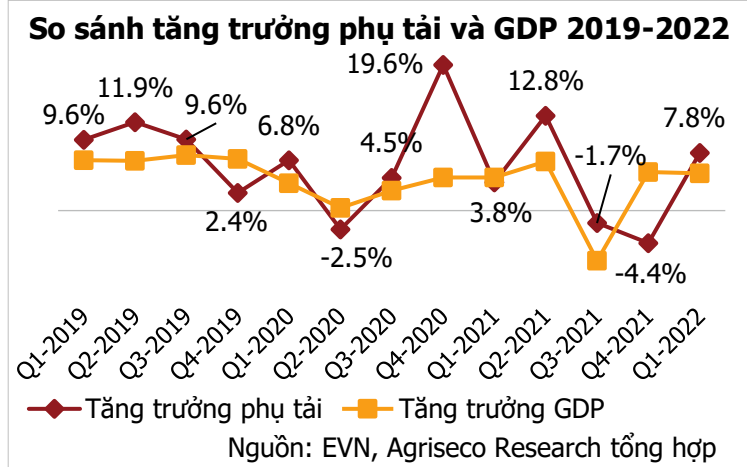
Nhờ dòng tiền từ HĐKD phát sinh đều và KQKD năm 2021 tích cực, chúng tôi kì vọng các doanh nghiệp nhóm thủy điện sẽ duy trì tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt cao trong tới. Tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2021 của một số doanh nghiệp đã công bố: VSH (10%), GHC (35%), CHP (15%).

Thủy điện đóng góp quan trọng trong sự ổn định và tăng trưởng của các doanh nghiệp có danh mục nhà máy điện đa dạng và các doanh nghiệp đa ngành. Trong khi các doanh nghiệp có tỷ trọng thủy điện lớn trong công suất các nhà máy đang sở hữu như REE, GEG ghi nhận tăng trưởng ấn tượng trong kết quả hoạt động, việc sở hữu các nhà máy điện (thủy điện, NLTT) với hoạt động và dòng tiền khá ổn định giúp giảm thiểu biến động lợi nhuận và dòng tiền cho nhiều doanh nghiệp bất động sản như HDG và DPG.



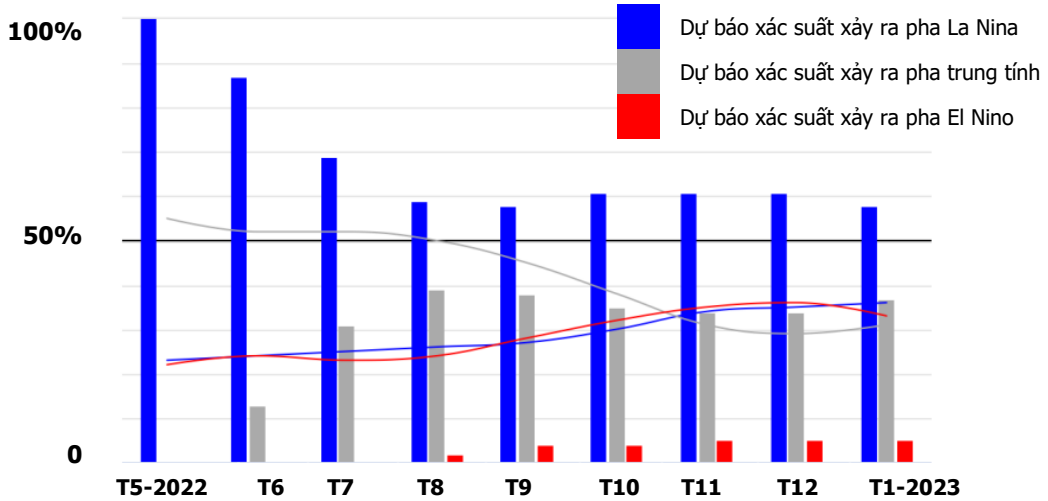
III. TRIỂN VỌNG NHÓM THỦY ĐIỆN NỬA CUỐI NĂM 2022

Agriseco Research đánh giá toàn ngành điện sẽ đạt được tăng trưởng tốt trong năm nay dựa trên mức nền tăng trưởng thấp của 2021 và theo đà hồi phục của nền kinh tế. Theo thống kê, trong điều kiện bình thường không bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, phụ tải điện có hệ số tăng trưởng thường trên 1,5 đến 1,8 lần tăng trưởng GDP (theo năm). Với kì vọng GDP tăng trưởng ở mức 6% - 6,5% và thậm chí cao hơn, chúng tôi ước tính phụ tải đạt mức tăng trưởng ít nhất trên 9% trong năm 2022.



Theo chúng tôi, nhóm thủy điện sẽ được hưởng lợi trong phần còn lại của năm 2022 nhờ vào 3 yếu tố: (1) Điều kiện thủy văn thuận lợi trong các tháng tới, (2) Năng lượng tái tạo (NLTT) chưa thể vận hành được tối đa công suất đã lắp đặt và (3) Chi phí đầu vào của nhiệt điện than và tua bin khí làm giảm khả năng cạnh tranh của loại năng lượng này. Cụ thể:

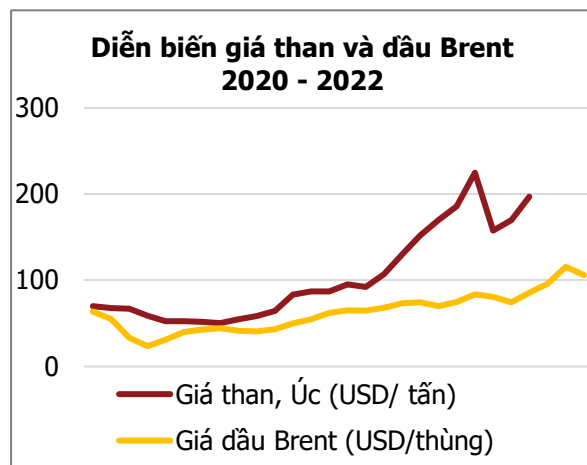
❖ **Khả năng cao về tình hình thủy văn tích cực trong các tháng tới.** Nhiều tổ chức khí tượng lớn như NOAA của Mỹ đánh giá cao xác suất điều kiện thời tiết sẽ duy trì ở trạng thái La Nina tại khu vực Bắc Bán Cầu trong mùa đông năm 2022. Cụ thể, xác suất xảy ra hiện tượng La Nina từ tháng 6 đến tháng 8 là trên 54% và sau đó quay trở lại pha trung tính trước khi xác suất La Nina tăng lên tới 50% trong mùa đông năm nay. Việc La Nina duy trì tới mùa đông thứ ba (2020-2021, 2021-2022 và dự báo 2022-2023) là không phổ biến trong lịch sử khí tượng thế giới khi chỉ ghi nhận hiện tượng này 2 lần kể từ 1950. Trở lại nửa cuối năm 2022, Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn dự báo mưa sẽ nhiều hơn so với trung bình ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào các tháng 7, 8, 9 và từ tháng 9, 10, 11 ở khu vực Trung và Nam Trung Bộ. Theo đó, các doanh nghiệp thủy điện sẽ tiếp tục được hưởng lợi đến năm 2023 khi được huy động tối đa sản lượng trong trường hợp hiện tượng La Nina kéo dài qua mùa đông năm nay.

III. TRIỂN VỌNG NHÓM THỦY ĐIỆN NỬA CUỐI NĂM 2022 (tiếp)
Dự báo hiện tượng ENSO đến tháng 1/2023 (Nguồn: CPC/IRI)


Bên cạnh yếu tố thời tiết thường diễn ra có tính chu kì, chúng tôi cho rằng hai sự kiện dưới đây sẽ trực tiếp tác động tích cực vào KQKD của nhóm thủy điện trong năm nay:

❖ **Sản lượng huy động từ nguồn điện tái tạo mới (điện mặt trời và điện gió) biến động mạnh trong ngày và giữa các ngày trong tháng, đồng thời duy trì ở mức thấp trong các tháng đầu năm.** Với nhiều nhà máy điện gió mới vận hành đồng loạt từ cuối năm trước, công suất lắp đặt của loại năng lượng này tại ngày 01/11/2021 đã đạt 3.980 MW. Mặc dù vậy, sản lượng điện gió trong các tháng đầu năm ở mức khá thấp. Cụ thể, trong tháng 3 có ngày công suất phát điện đạt chưa đến 1% công suất lắp đặt vì thiếu gió, tháng 4 và tháng 5 chỉ có lần lượt 7 ngày và 1 ngày cao hơn 2000 MW (tương đương khoảng 50% công suất lắp đặt). Trong khi điện mặt trời đã cho thấy thời gian phát điện hiệu quả chỉ khoảng 4 - 5 giờ/ ngày, điện gió vẫn cần theo dõi khả năng phát điện theo mùa gió để đánh giá hiệu quả. Như vậy, chúng tôi cho rằng thủy điện vẫn sẽ đóng vai trò quan trọng là nguồn năng lượng nền tảng trong đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia bởi tính ổn định cao.

❖ **Rủi ro thiếu hụt than và giá nguyên liệu đầu vào tăng cao ảnh hưởng đến nhóm nhiệt điện.** Quý 1 ghi nhận thiếu tới 300 MW nhiệt điện do thiếu hụt than, có thể kể đến các nhà máy bị ảnh hưởng như: NMNĐ Vũng Áng 1, Nghi Sơn, Vĩnh Tân 2, Duyên Hải 1, NMNĐ Hải Phòng. Rủi ro thiếu than trong các tháng tới đã khiến các nhà máy phải chủ động tìm kiếm nguồn than nhập khẩu để bổ sung sản lượng thiếu hụt. Tuy nhiên, do giá than bị giới hạn bởi EVN, các doanh nghiệp sẽ gặp không ít khó khăn trong việc thỏa thuận giá với nhà cung cấp nước ngoài để đảm bảo biên lợi nhuận cho các nhà máy.



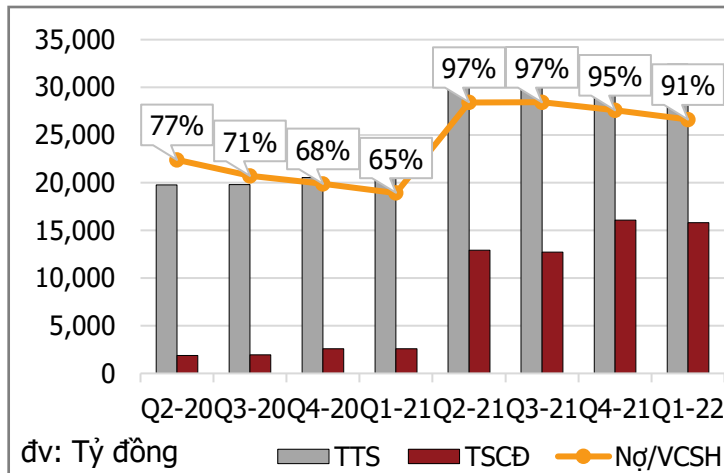
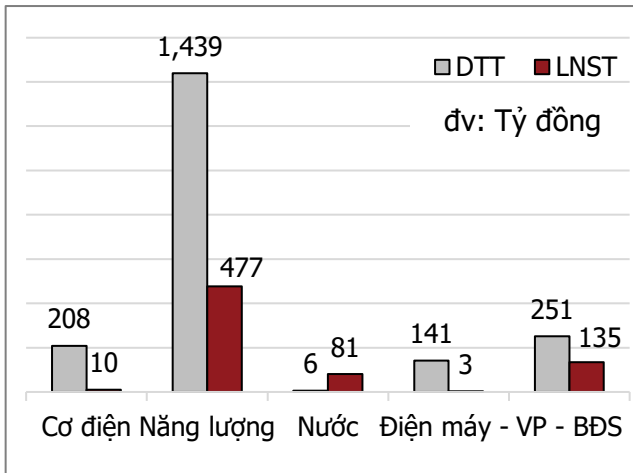
Mặc dù giá bán đầu ra được EVN bao tiêu và tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp ngành điện được cố định theo các hợp đồng PPA, nhưng sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường phát điện cạnh tranh của các nhà máy nhiệt điện than sử dụng nguồn than nhập khẩu và tua bin khí, đồng thời khiến giá mua điện cao. Theo đó các doanh nghiệp thủy điện được hưởng lợi khi giá bán điện cao hơn năm ngoái đồng thời tăng tỷ trọng phát điện trên thị trường cạnh tranh.

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ NHÓM THỦY ĐIỆN

CTCP CƠ ĐIỆN LẠNH (HSX: REE) - Giá mục tiêu: 110.000 Đồng

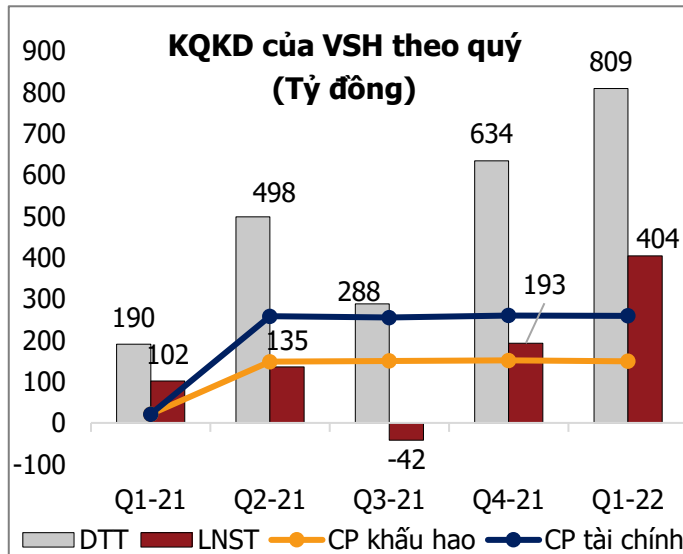
- Mảng thủy điện chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng danh mục điện của REE tại các công ty con và công ty liên kết. Theo đó, công suất thủy điện do REE sở hữu đạt trên 480 MW phần lớn nhà máy đặt tại khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ. Theo đó, năng lượng đóng góp DTT và LNST lớn nhất trong các mảng hoạt động của doanh nghiệp, chiếm khoảng 70%. Mảng thủy điện được kì vọng vẫn tiếp tục đóng góp chính vào KQKD tích cực trong Quý 2-3. Chúng tôi cũng cho rằng sản lượng điện gió ít nhất sẽ duy trì ở mức tương đương với 2021, duy trì khoảng 30 tỷ LNST/quý.
- Bên cạnh đó, quý 1/2022 chưa ghi nhận sự phục hồi doanh thu và lợi nhuận của mảng cơ điện trong khi giá trị hợp đồng đã kí của doanh nghiệp lên cao nhất trong nhiều năm. Việc chưa bàn giao và thanh lý dự án là nguyên nhân khiến doanh nghiệp chưa thể ghi nhận doanh thu trong quý 1. Trong khi mảng cơ điện sụt giảm 50% lợi nhuận trong năm 2021 do tình trạng giãn cách, Agriseco research kì vọng rằng đây sẽ là động lực tăng trưởng của doanh nghiệp trong 3 quý cuối năm, khi dòng vốn đầu tư nước ngoài quay trở lại và nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất tăng trưởng trở lại.
- Mảng nước và cho thuê văn phòng sẽ duy trì tăng trưởng đều, các nhà máy nước tại Khánh Hòa kì vọng tăng trở lại khi du lịch sôi động trở lại.

KQKD VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ 1-2022 CỦA REE



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh (HSX: VSH) - Giá mục tiêu: 46.000 Đồng

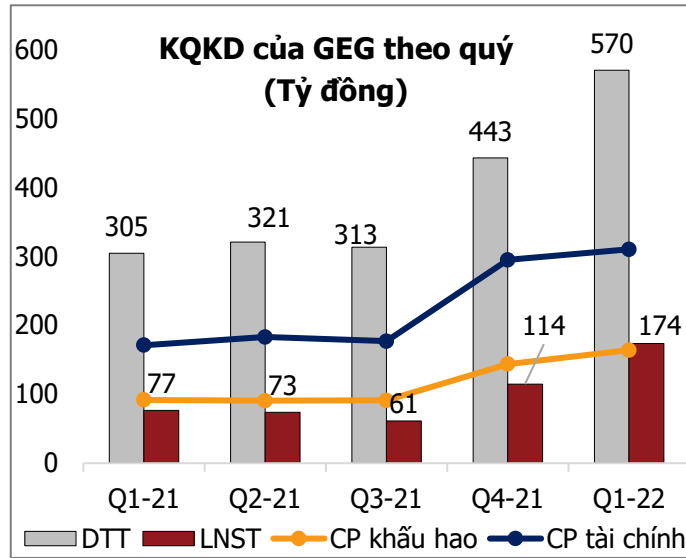
- VSH sở hữu 3 nhà máy thủy điện tại với tổng công suất 356 MW, trong đó NMTĐ Thượng Kon Tum vận hành từ tháng 4/2021 đã giúp DT và LNST của VSH tăng trưởng đột biến svck. Kì vọng sản lượng của VSH tiếp tục tăng trưởng svck khi điều kiện thủy văn tại khu vực Tây Nguyên diễn biến khá tốt và các nhà máy hoạt động ổn định.
- Bên cạnh yếu tố sản lượng, đơn giá hợp đồng cao hơn 400 đồng/kwh cũng là động lực tăng trưởng lợi nhuận trong năm nay, dự kiến sẽ được phê duyệt trong năm 2022.
- Sau khi áp dụng mức giá điện và các nhà máy vận hành ổn định, có thể kì vọng cổ đông lớn PGV sẽ tiếp tục thực hiện lộ trình thoái vốn VSH trong GD 2022-2023.



IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ NHÓM THỦY ĐIỆN

CTCP điện Gia Lai (HSX: GEG) - Giá mục tiêu: 30.000 Đồng

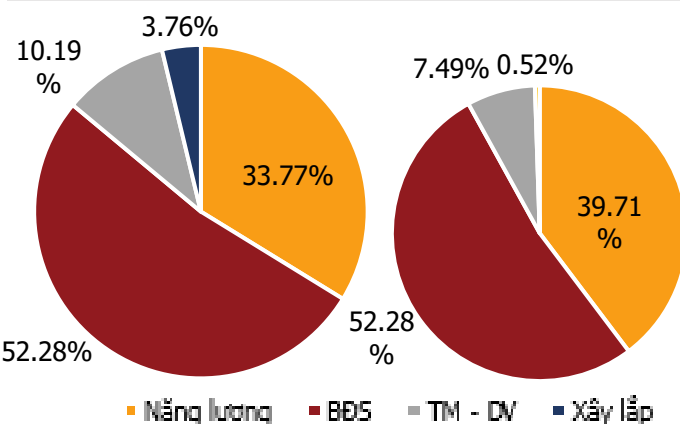
- GEG hiện đang sở hữu danh mục các nhà máy thủy điện (81 MW), điện mặt trời (300 MWp) và điện gió (130 MW). Các nhà máy điện gió và điện mặt trời của doanh nghiệp đều được hưởng mức giá ưu đãi cho NLTT.
- Cập nhật KQKD quý 1: Doanh thu và LNST của GEG đạt lần lượt 570 tỷ (+87% svck) và 173 tỷ (+127% svck). Kết quả này được đóng góp chủ yếu bởi các dự án điện gió vận hành từ tháng 11/2021. Chúng tôi kì vọng GEG sẽ tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực trong các quý tới với động lực từ cả mảng thủy điện và NLTT.
- Các chỉ số phản ánh KQKD của doanh nghiệp cũng được cải thiện đáng kể. Biên LNR của doanh nghiệp đạt 30% (+6% yoy), biên EBITDA đạt 86%



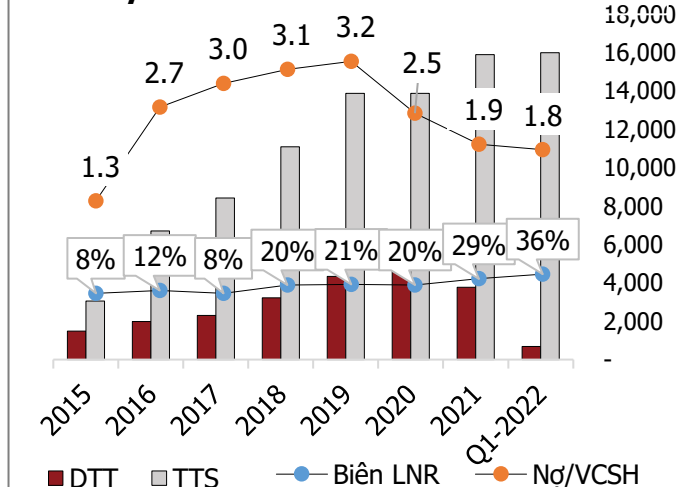
CTCP TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ (HSX: HDG) - Giá mục tiêu: 58.000 Đồng

- Doanh thu từ mảng điện của HDG tăng trưởng 97% trong quý 1/2022 khi có tới 2 nhà máy thủy điện tại Quảng Nam (Sông Tranh 4-48 MW và Đak Mi 2-147 MW) và dự án điện gió 7A (50 MW) vận hành trong tháng 9 và 10/2021. Như vậy các công ty con của HDG đang vận hành 314 MW thủy điện, 50 MW điện gió và 98 MWp điện mặt trời. Công ty đặt mục tiêu nâng công suất NLTT lên 1.000 MW đến 2025.
- Trong quý 1, doanh thu từ mảng năng lượng tăng trưởng tới 98% svck, đạt 477,7 tỷ, trong đó thủy điện Đak Mi 2 thường xuyên vượt 20-50% kế hoạch tháng. Theo đó, các dự án mới vận hành trong cuối năm trước sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong các quý tiếp theo của HDG.
- Mảng BĐS - Mở bán các giai đoạn mới của dự án: HDG dự kiến sẽ mở bán giai đoạn 3 dự án Charm Villas vào Quý 2/2022, số lượng khoảng 130 căn và dự kiến tỷ lệ hấp thụ sẽ tích cực nhờ vào sự quan ghi nhận từ 2 giai đoạn trước. Ngoài ra theo kế hoạch các dự án Hado Minh Long và Hado Green Lane sẽ được mở bán vào Quý 4/2022.
- HDG có kế hoạch sẽ gia tăng quỹ đất thêm 125ha về phía Tây Hà Nội với giá dự kiến khoảng 1.000 tỷ đồng. Quỹ đất của công ty sẽ tăng lên mức 450ha khi thỏa thuận này hoàn tất.

Mảng điện chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và chi phí của HDG (2021)



Một số chỉ tiêu tài chính của HDG





PHỤ LỤC – DANH MỤC CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN SỞ HỮU BỞI CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ

(Nguồn: Báo cáo thường niên, Website doanh nghiệp)

CTCP CƠ ĐIỆN LẠNH (HSX: REE)

Nhóm	Công ty	Nhà máy	Vị trí	Vị trí	Công suất (MW)	Tỷ lệ sở hữu của REE	Sở hữu bên liên quan	Tỷ lệ
Thủy điện	VSH	TĐ Vĩnh Sơn	Sông Côn, Bình Định	Trung Bộ	66	50.45%		
	VSH	TĐ Sông Hình	Sông Hình, Phú Yên	Trung Bộ	70	50.45%		
	VSH	TĐ Thượng Kon Tum	Sông Dak Nghé, Kon Tum	Tây Nguyên	220	50.45%		
	TBC	TĐ Thác Bà	Hồ TĐ Thác Bà, Yên Bái	Bắc Bộ	120	60.42%		
	Mường Hum	TĐ Mường Hum + TĐ Bả	Sông Ngòi Phát, Lào Cai	Bắc Bộ	34.8	49.00%	TBC	50.94%
	TMP	TĐ Thác Mơ	Sông Bé, Bình Phước	Nam Bộ	170	42.63%		
	ISH	TĐ Shrok Phu Miêng IDI	(Sông Ba, Bình Phước	Nam Bộ	51	34.30%		
	SBH	TĐ Sông Ba Hạ	Sông Ba, Phú Yên	Trung Bộ	220	25.76%		
	Bình Điền	TĐ Bình Điền	Sông Hữu Trạch, Huế	Trung Bộ	44	25.47%		
	CHP	TĐ A Lưới	Sông A Sáp, Huế	Trung Bộ	170	23.75%		
	SHP	TĐ Đa Siat	Lâm Đồng	Tây Nguyên	13.5	11.90%		
	SHP	TĐ Đa Dâng 2	Lâm Đồng	Tây Nguyên	34	11.90%		
	SHP	TĐ Đa M'brì	Lâm Đồng	Tây Nguyên	75	11.90%		
	Thác Bà 2	TĐ Thác Bà 2	Sông Chảy, Yên Bái	Bắc Bộ	18.9	26.60%	TBC	49.00%
Nhiệt điện than	PPC	Phả Lại	Hải Dương	Bắc Bộ	1040	24.14%		
	NBP	Ninh Bình	Ninh Bình	Bắc Bộ	100	29.45%		
	QTP	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Bắc Bộ	1200	0.98%		
	HND	Hải Phòng	Hải Phòng	Bắc Bộ	1200	0.60%	PPC	25.97%
						TBC	0.60%	

Nhóm	Công ty	Nhà máy	Vị trí	Công suất (MW)	Tỷ lệ sở hữu của REE	Sản lượng theo thiết kế (triệu kWh/năm)	Tổng mức đầu tư	Giá FIT (cent/kWh)
Điện mặt trời	REESE	ĐMT mái nhà		103.1	99.99%			8.38
	CHP	ĐMT Cư Jut	Đăk Nong	50	23.75%			8.38
	TMP	ĐMT mặt đất Thác Mơ	Bình Phước	50	42.63%			8.38
Điện gió		Phú Lạc 1	Bình Thuận	24	50%		1,089	8.5
	CTCP Phong điện Thuận Bình	Phú Lạc 2	Bình Thuận	26	50%	70	958	8.5
		Lợi Hải 2	Ninh Thuận	28.9	50%	100	1,098	8.5
		Trà Vinh V1-3	Trà Vinh	48	100%	158	2,120	9.8
Bán lẻ điện	DTV	Bán lẻ điện	Trà Vinh	n/a	66.30%	n/a		n/a

CTCP điện Gia Lai (HSX: GEG)

Nhóm	Nhà máy	Vị trí	Công suất (MW)	Năm vận hành
Thủy điện	Ayun Hạ			2001
	Dak Pihao 1			2014
	Dak Pihao 2	Tây Nguyên	18.0	2008
	Kênh Bắc			1994
	Ayun Thượng			2011
	H'Chan	Tây Nguyên	40.2	2006
	H'Mun			2010
	Đa Khai	Lâm Đồng	8.1	2010
	Thượng Lộ	Huế	6.0	2015
	Ia Drang 1			2003
	Ia Drang 2			2002
	Ia Drang 3	Tây Nguyên	11.8	2005
	Ia Meur 3			2005
	Ia Puch 3			2009



PHỤ LỤC – DANH MỤC CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN SỞ HỮU BỞI CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ
(Nguồn: Báo cáo thường niên, Website doanh nghiệp)
CTCP điện Gia Lai (HSX: GEG)

Nhóm	Nhà máy	Vị trí	Công suất (MW)	Sản lượng theo thiết kế (triệu kWh/năm)	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Giá FIT (cent/kWh)
Điện mặt trời	Phong Điền	Huế	48			9.35
	Krong Pa	Gia Lai	69			9.35
	Hàm Phú 2	Bình Thuận	49			9.35
	Đức Huệ 1	Long An	49			9.35
	Trúc Sơn	Đak Nông	44			9.35
Điện gió	Ia Bang I	Gia Lai	50	163	1,955	8.5
	Tân Phú Đông 2	Tiền Giang	50	161	2,242	9.8
	VPL Bến Tre	Bến Tre	30	92	2,242	9.8

CTCP TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ (HSX: HDG)

Nhóm	Nhà máy	Vị trí	Công suất (MW)	Sản lượng thiết kế (triệu kWh/năm)	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năm vận hành
Thủy điện	Sông Tranh 4	Quảng Nam	48.0	180	1700	2021
	Za Hưng	Quảng Nam	30.0	122.7	503	2009
	Đăk Mi 2	Quảng Nam	147.0	450	4700	2021
	Nhạn Hạc	Nghệ An	59.0	220	1881	2018
	Nậm Pông	Nghệ An	30.0	123.3	796	2013

Nhóm	Nhà máy	Vị trí	Công suất (MW)	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Giá FIT (cent/kWh)
Điện mặt trời	Hồng Phong 4	Bình Thuận	48	1,100	7.09
	Hà Đô Ninh Phước	Ninh Thuận	50	1,055	7.09
Điện gió	Điện gió 7A	Ninh Thuận	50	1,875	8.5



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Miền Bắc

Trụ sở chính: 0246.2762.666

CN Miền Bắc: 0243.8687.217

Trụ sở chính

Tầng 5 tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội.

Chi nhánh miền Bắc

Tầng 3, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, HN

43 cơ sở phát triển dịch vụ đặt tại chi nhánh Ngân Hàng Agribank

19 điểm tại Hà Nội

Agribank Hoàn Kiếm
Agribank Hoàng Mai
Agribank Tràng An
Agribank Tam Trinh

Agribank Hà Tây
Agribank Nam Hà Nội
Agribank Tây Hà Nội
Agribank Tây Đô

Agribank Thanh Trì
Agribank CN Sở Giao dịch
Agribank Tràng An – PGD 11
Agribank PGD số 3 – CN Sở giao dịch

Agribank Đống Đa
Agribank Hà Nội
Agribank Láng Hạ
Agribank Hà Thành
Agribank Từ Liêm
Agribank Đông Hà Nội

24 điểm tại chi nhánh Agribank các tỉnh

Hà Giang
Lạng Sơn
Tuyên Quang
Bắc Giang
Quảng Ninh

Tây Quảng Ninh
Lào Cai
Hòa Bình
Sơn La
Bắc Ninh

Hà Nam
Thái Nguyên
Hải Dương
Hải Dương II
Bắc Giang II

Hải Phòng
Bắc Hải Phòng
Nam Định
Thái Bình
Thanh Hóa

Nghệ An
Nam Nghệ An
Hà Tĩnh
Bắc Nam Định

Miền Trung

(0236).367.1666

Chi nhánh miền Trung

Tòa nhà Agribank, số 228 đường 2/9, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng.

15 Cơ sở phát triển Dịch vụ đặt tại chi nhánh Ngân hàng Agribank

Quảng Bình
Quảng Trị
Huế
Đà Nẵng

Quảng Nam
Quảng Ngãi
Kon Tum
Bình Định

Gia Lai
Phú Yên
Đắk Lắk
Khánh Hòa

Gia Lai
Đắk Nông
Khánh Hòa
Đắk Nông

Nam Đà Nẵng
Đông Gia Lai
Bắc Đắk Lắk

Miền Nam

0283.8216.362

Chi nhánh miền Nam

179A Nguyễn Công Trứ (2A Phó Đức Chính), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PGD Nguyễn Văn Trỗi

Số 207 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

26 cơ sở phát triển dịch vụ đặt tại chi nhánh Ngân Hàng Agribank

Lâm Đồng
Bình Dương
Đồng Nai
Tây Ninh
Ninh Thuận

Bà Rịa-Vũng Tàu
Đồng Tháp
Gò Công-Tiền Giang
An Giang
Bình Phước

Trà Vinh
Sóc Trăng
Bạc Liêu
Cần Thơ
Long An

Vĩnh Long
Kiên Giang
CN Trường Sơn
CN Quận 5
Trà Vinh

CN Miền Đông
CN Lý Thường Kiệt
Nam Đồng Nai
Cà Mau

KHUYẾN CÁO

Bản tin này (gồm các thông tin, ý kiến, nhận định và khuyến nghị nêu trong bản tin) được thực hiện/gửi với mong muốn cung cấp cho nhà đầu tư thêm các thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán. Thông tin nêu trong bản tin được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy, tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo các thông tin nêu trong bản tin này là hoàn toàn chính xác và đầy đủ. Bản tin này được thực hiện/gửi bởi chuyên viên và không đại diện/nhân danh Agriseco. Agriseco không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

